

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán năm 2025 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định
(Dự toán giao đầu năm)**

TRƯỞNG BAN BAN DÂN TỘC

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai Ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai Ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Phó Chánh Văn phòng phụ trách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định (Có các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng, phó các phòng chuyên môn thuộc Ban chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Ban;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trần Văn Thanh

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao
A	Dự toán thu	-
I	Tổng số thu	-
1	Thu phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ Thu tiền cho thuê phòng trọ Thu tiền phục vụ điều dưỡng ngoài tỉnh <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>	
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)	
4	Thu sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>	
II	Số thu nộp NSNN	
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>	
3	Hoạt động sự nghiệp khác <i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>	
III	Số được để lại chi theo chế độ	
1	Phí, lệ phí <i>(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)</i>	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ <i>(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)</i>	
3	Thu viện trợ	

4	Hoạt động sự nghiệp khác	
	<i>(Chi tiết theo từng loại thu)</i>	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.784
1	Chi quản lý hành chính	4.805
1.1	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>3.724</i>
-	Quản lý Nhà nước	3.666
-	Cải cách tiền lương	58
1.2	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>1.081</i>
-	Kinh phí hoạt động Đảng bộ cơ sở	50
-	Trang phục thanh tra	12
-	KP thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc)	135
-	Hỗ trợ KP thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc	450
-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	344
-	KP triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số	90
2	Chi sự nghiệp	979
2.1	<i>Chi sự nghiệp Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>79</i>
-	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc	45
-	Hỗ trợ KP đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức được cử đi học theo chính sách của tỉnh	34
2.2	<i>Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin</i>	<i>-</i>
2.3	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	<i>-</i>
2.4	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>	<i>-</i>
2.5	<i>Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội</i>	<i>900</i>
-	Cấp muối i ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số	900